**TUẦN 5:** **CHỦ ĐỀ 2: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**Bài 09: TRƯỚC CỔNG TRỜI (3 tiết)**

**Tiết 1: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù:***

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng trời, biết nhấn giọng vào

những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

– Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,... qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,... Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống. Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - Giới thiệu chủ điểm mới. (Ví dụ: Chủ điểm Thế giới tuổi thơ khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng Hành tinh kì lạ đầy thú vị. Chủ điểm thứ hai có tên Thiên nhiên kì thú, bức tranh minh hoạ chủ điểm đã hứa hẹn mang đến cho các em những hiểu biết mới lạ, thú vị về thế giới tự nhiên ở quanh ta hoặc ở rất xa chúng ta- GV tổ chức trò chơi “Trồng hoa trang trí lớp”+ Câu 1: Đọc lại bài Hành tinh kì lạ, tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.+ Câu 2: Nêu lại nội dung bài “Hành tinh kì lạ”+ Câu 3: Theo em, vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là “cổng trời”?A cartoon of animals crossing a river  Description automatically generated- GV dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:***Bức tranh minh hoạ đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Chúng ta sẽ đọc bài thơ để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh*** ***gửi đến cho người đọc*** | - HS lắng nghe- HS tham gia trò chơi+ Câu 1: Chi tiết con tàu đang vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất.+ Câu 2: Bài đọc kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của hai nhà du hành. Họ lạc vào một hành tinh kì lạ: con người toàn là người máy, máy móc làm việc thay con người, cách tính thời gian khác biệt,... Ở một nơi xa lạ, họ càng thấm thía nỗi nhớ quê nhà - Trái Đất.+ Câu 3: Trong tranh có 2 vách đá ở sát gần nhau như 2 cánh cổng mở ra để nhìn thấy một khoảng trời với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng lên trời hoặc cổng nhà trời.- HS lắng nghe và ghi tên bài mới |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu: *nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng* *trời, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao*- Cách tiến hành: |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc**- GV đọc mẫu lần 1: - GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 2 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình. - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:+ Luyện đọc một số từ khó: *vách đá, ngút ngát, vạt nương, long thung, gặt lúa, nắng chiều,…* + Một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: Giọng đọc gợi vẻ ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ thơ mở đầu (“Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng, mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?”). + Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên vùng núi cao: ngút ngát, ngân nga,…- GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành sáu khổ để luyện đọc và tìm ý:+ Khổ 1: “Giữa hai bên vách đá” đến “Cổng trời trên mặt đất?” + Khổ 2: “Nhìn ra xa ngút ngát” đến “Đàn dê soi đáy suối”. + Khổ 3: “Giữa ngút ngàn cây trái” đến “Ráng chiều như hơi khói …” + Khổ 4: “Những vạt nương màu mật” đến “Suốt triền rừng hoang dã”. + Khổ 5: “Người Tày từ khắp ngả” đến “Đi tìm măng, hái ấm”.+ Khổ 6: “Vạt áo chàm thấp thoáng” - GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm (có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp) | - HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc thầm theo GV để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình. - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.- HS luyện đọc theo nhóm. -HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt). |
| **3. Luyện tập.**- Mục tiêu: + Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu, cảm nhận được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng... và những con người yêu lao động, dạt dào sức sống, chan hoà với thiên nhiên tươi đẹp.- Cách tiến hành: |
| **3.1. Tìm hiểu bài.****GV hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:**+ nguyên sơ: còn nguyên vẹn vẻ tự nhiên như lúc ban đầu. + vạt nương: mảnh đất dài và hẹp trên đồi núi để trồng trọt. + triền: dải đất thoai thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi. + áo chàm: một loại trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng, Thái và nhiều dân tộc khác trên vùng núi cao phía Bắc Việt Nam. Áo được nhuộm chàm (cây bụi thuộc họ đậu, lá cho một chất màu lam sẫm, dùng để nhuộm, in, vẽ). + ráng chiều: hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc đang lặn, phản chiếu vào các đám mây, làm cho một khoảng trời sáng rực, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm. + ...**- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu**- GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi:+ Câu 1: Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?+ Câu 2: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao? + Câu 3: Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?+ Câu 4: Tưởng tượng em cũng tham gia vào trò chơi bịt tai nghe gió, nói với các bạn điều em nghe thấy.- Câu 4: Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?+ Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ- GV mời HS nêu cảm xúc sau khi đọc bài thơ. | -Hs lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.+ Giữa những dãy núi trùng điệp, có một khoảng không rộng như thể núi tách ra thành 2 cánh cổng, để lộ khoảng trời rộng mở với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng dẫn lên trời hoặc cổng của nhà trời.+ Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo có thể thấy cả một không gian mênh mông, bất tận, những cảnh rừng ngút ngàn cây trái và muôn vàn sắc màu cỏ hoa, những vạt nương, những lòng thung lúa đã chín vàng màu mật đọng, khoảng trời bồng bềnh mây trôi, gió thoảng. + Ví dụ: Chọn A vì bố nói mới nghe kể thôi bố đã thấy thích trò chơi ấy rồi và mai muốn thử ngay, chứng tỏ trò chơi rất hấp dẫn. Trẻ em và người lớn có những mối quan tâm khác nhau, trò chơi khác nhau, vì thế trò chơi này phải hấp dẫn đến mức nào thì bố mới thể hiện sự hứng thú và hưởng ứng như vậy.+ Những người dân miền núi chăm chỉ, yêu lao động, ai cũng đang làm việc miệt mài, hăng say: gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm,... Con người hoà mình với thiên nhiên (Vạt áo chàm thấp thoáng/ Nhuộm xanh cả nắng chiều).+ Cảnh rừng sương giá như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy đều tất bật, hối hả làm việc (người Tày từ khắp các ngả đi gặt lúa, trồng rau; người Giáy, người Dao đi tìm măng, hái nấm; tiếng xe ngựa vang lên suốt triền rừng hoang dã, những vạt áo chàm nhuộm xanh cả nắng chiều,...+ Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên. Thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người. - HS nêu cảm xúc |
| **3.2. Luyện đọc lại.**- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:\* Làm việc cả lớp:+ GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.+ GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.\* Bình chọn nhóm đọc hay nhất- GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp. | - HS lắng nghe+ HS nối tiếp đoạn.+ Một số HS đọc diễn cảm trước lớp. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.- GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em cónhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiếthọc hiệu quả.- Dặn dò bài về nhà. | - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. - HS lắng nghe. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**-----------------------------------------------------------------**

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# CHỦ ĐIỂM: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

**TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Từ đồng nghĩa**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng vận từ đồng nghĩa vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Biết cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh minh họa bài đọc.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.**b. Cách tiến hành**- GV tổ chức trò chơi “Hái hoa” để khởi động bài học**1. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:**Giêng, Hai rét cứa như dao,Nghe tiếng chào mào chống gậy ra trôngNom Đoài rồi lại ngắm ĐôngBề lo sương táp, bề phòng chim ăn.-GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.**2. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những đoạn văn sau:**Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.**3. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:**Con tàu như mũi tênĐang lao về phía trướcEm muốn con tàu nàyĐưa em đi khắp nướcƠi Tổ quốc! Tổ quốc!- GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới.**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****Hoạt động 1: Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa****a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**- Nắm được khái niệm vè từ đồng nghĩa. **b. Tổ chức thực hiện**- GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu của PHT dưới đây: *Bài 1: Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi* *Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng:* ***khuân*** *đất,**nhặt lá khô,* ***tha*** *mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khỏe và hăng say. Kiến* ***vác****, kiến lôi, kiến dẩy, kiến* ***nhấc*** *bồng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tíu tít, gặp nhau đụng đầu chào, rối lại vội vàng, tíu tít …* *(Theo Nguyễn Kiên)**Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngân lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi* ***ban mai****. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hòa vào khúc tấu. Từ* ***sáng sớm****, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.* *(Theo Hữu Vi)**a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau?* *b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.* *Bài 2: Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau**a. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khó* *b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia* *c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh*+ GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ bằng kĩ thuật *Mảnh ghép:* * *1/2 lớp sẽ làm BT1*
* *1/2 lớp sẽ làm BT2*

+ GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).+ GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án: *Bài 1:* *Đoạn thứ nhất có các từ có nghĩa gần giống nhau: khuân, tha, vác, nhấc.* *→ 4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/ chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.* *Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật đó thay đổi vị trí.* * *Khuân: khiêng vác đồ vật nặng;*
* *Tha: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ;*
* *Vác: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai;*
* *Nhấc: nâng lên, đưa lên cao hơn.*

*Đoạn thứ hai có các từ có nghĩa giống nhau: ban mai, sáng sớm.* *→ 2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời.* *Bài 2:* *a. sắt đá* *b. núi non* *c. bình tĩnh* - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình cho HS: * *Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…)*
* *Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.*

- GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ. - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS: **Hoạt động 2: Thực hành kiến thức về từ đồng nghĩa****a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**- HS vận dụng được làm các bài tập, câu hỏi có liên quan. **b. Tổ chức thực hiện**- GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT3: *Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?* *a. Chân yếu tay mềm.* *b. Thức khuya dậy sớm.* *c. Đầu voi đuôi chuột.* *d. Một nắng hai sương.* *e. Ngăn sông cấm chợ.* *g. Thay hình đổi dạng.* + GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.+ GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).+ GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án: *c. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn và cấm.* *g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay và đổi, hình và dạng.* - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT4: *Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.* *Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.**(Theo Vũ Hùng)*+ GV tổ chức hoạt động nhóm đôi cho HS thực hiện nhiệm vụ trên. + GV mời 1 – 2 HS đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả, các HS khác nhận xét và phát biểu ý kiến.  | - HS tham gia chơi+ Đáp án: Trông - nom- Đáp án: Đất nước – nước nhà- Đáp án: Nước – Tổ quốc- HS ghi bài mới. - HS đọc nhiệm vụ của BT.- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS theo dõi, xem trên màn hình. - HS đọc kĩ phần ghi nhớ.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS đọc nhiệm vụ BT. - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS đọc nhiệm vụ hoạt động. - HS làm theo hướng dẫn của GV. - HS phát biểu ý kiến, các HS khác chú ý và nhận xét. - HS lắng nghe, tiếp thu.  |

|  |
| --- |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố kiến thức về: Từ đồng nghĩa+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu hs tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:Lên rừng bắt tép kho càXuống sông hái **quả** thanh trà về ănLên rừng bắt con cá măngXuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...(Ca dao)- Nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của HS. | - HS làm việc theo nhóm+ Từ đồng nghĩa với quả: trái+ Từ đồng nghĩa với hổ: cọp, hùm,…+ Từ đồng nghĩa với mang: đem- Hs lắng nghe |

**Tiết 3: VIẾT**

**Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng viết bài văn tả phong cảnh

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài biết yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học hãy: Nêu các kiểu bài văn miêu tả đã học.- GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.- GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm: + Lớp 2: Viết được 4 – 5 câu tả 1 đồ vật.+ Lớp 3: Viết được đoạn văn ngắn tả đồ vật.+ Lớp 4: Viết được bài văn tả con vật, tả cây cối.- GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS đọc nhiệm vụ BT. - HS trình bày kết quả.- HS chú ý lắng nghe. |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu:+ Nhận diện được bài văn tả phong cảnh.+ Xác định được cấu tạo của một bài văn tả phong cảnh.+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT1: *Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi:**Đà Lạt**Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.**Nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển, Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm. Đây là nơi nghỉ mát lí tưởng của du khách chẳng những vì không khí mát lành mà còn bởi những cảnh đẹp đến nao lòng.**Thác Cam Ly như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. Suối Vàng có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào. Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.**Trong nắng ấm, bầu trời Đà Lạt không chút gợn mây, luôn thắm xanh một màu ngọc bích. Cái màu xanh của tầng không càng thêm lung linh biến ảo khi phản chiều xuống những mặt hồ trong suốt như pha lê.**Cảnh sắc thiên nhiên của Đà Lạt vốn dĩ đã đẹp, lại được con người ra công tô điểm. Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ. Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.**Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh".**(Theo Ay Dun và Lê Tấn)**Từ ngữ:**Bồng lai tiên cảnh: nơi có cảnh đẹp và cuộc sống hạnh phúc như thế giới thần tiên.**a.Bài văn trên tả gì?**b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.**c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.* *d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?* + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án  | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.+ Bài văn tả đặc điểm cảnh vật thiên nhiên của thành phố Đà Lạt.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Mở bài:*** *Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.*  | *Mở bài chỉ có 1 câu nhưng giới thiệu được một cách khái quát những cảnh sắc tiêu biểu và đặc điểm nổi bật:* * *Thành phố ngàn hoa*
* *Nổi tiếng về hồ trong xanh, thông mơ màng.*
 |
| ***Thân bài:*** *Gồm có 4 đoạn văn.*  | *- Đoạn 1: Tả bao quát đặc điểm của Đà Lạt (độ cao, khí hậu, cảnh vật đẹp).* *- Đoạn 2: Tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông của Đà Lạt.* *- Đoạn 3: Tả bầu trời và những hồ nước ở Đà Lạt.* *- Đoạn 4: Tả những vườn hoa và vườn rau của Đà Lạt.*  |
| ***Kết bài:*** *Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh”.*  | *Kết bài chỉ có 1 câu ngắn gọn, cô đọng nhưng nói lên được cảm nhận, lời ca ngợi đầy ấn tượng về phong cảnh của Đà Lạt.*  |

|  |
| --- |
| ***Phong cảnh Đà Lạt*** |
| ***Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi***  | *Vị trí địa lí*  | *Đà Lạt nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển.*  |
| *Khí hậu* | *Đà Lạt mát mẻ quanh năm, không khí mát lành, là nơi nghỉ mát lí tưởng.*  |
| *Cảnh vật* | *- Thác nước: như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hung vĩ và nên thơ.* *- Dòng suối (suối Vàng): có cột nước quanh năm suốt tháng đổ ào ào, chia nước cho những con suối nhỏ rì rào…* *- Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.* *- Bầu trời: không chút gợn mây trong nắng ấm, luôn thẳm xanh một màu ngọc bích; màu trời xanh phản chiếu xuống những mặt hồ …* *- Những hồ nước: trong suốt như pha lê.*  |
| ***Vẻ đẹp do con người tạo nên*** | *Vườn hoa* | *Những hoa muôn hồng ngàn tía*  | *Như khoác cho thành phố Đà Lạt xinh đẹp một chiếc*  |
| *Vườn rau*  | *Những vườn rau xanh tươi* |
| *Hương hoa lá* | *Hương hoa hòa với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng* |

+ Trong bài văn, tình cảm của tác giả đối với cảnh vật được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét: cảnh đẹp đến nao long, là nơi nghỉ mát lí tưởng, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ, thành phố xinh đẹp, dễ chịu vô cùng,… |
| **3. Luyện tập**- Mục tiêu:+ Từ việc tìm hiểu bài văn tả cảnh Đà Lạt và những trải nghiệm viết đoạn văn, bài văn miêu tả, nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức hoạt động cho HS xác định yêu cầu nhiệm vụ: *Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh* - GV chia nhóm cho HS thảo luận theo nhóm bốn người. - GV mời đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét. GV tuyên dương những nhóm làm việc nghiêm túc, đạt hiệu quả; nhắc nhở những nhóm làm việc chưa có hiệu quả. - GV nhận xét, chốt đáp án: - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình: *Bài văn tả phong cảnh thường gồm 3 phần:* * *Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.*
* *Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.*
* *Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.*

- GV yêu cầu HS nhắc lại phần ghi nhớ. - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc nhiệm vụ- HS lắng nghe hướng dẫn của GV. - HS chú ý lắng nghe. - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS chú ý lên màn hình. - HS đọc kĩ phần ghi nhớ - HS lắng nghe và tiếp thu. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc và yêu cầu: *1/ Sưu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh song suối, ao hồ, biển đảo,…)* *2/ Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.* + GV tổ chức cho HS trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.+ GV mời 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).+ GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án: - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc nhiệm vụ BT. - HS làm theo hướng dẫn của GV. - HS phát biểu ý kiến. - HS lắng nghe, tiếp thu.- HS chú ý lắng nghe. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

**TUẦN 5:**

**Bài 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH (3 tiết)**

**Tiết 1: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù:***

* Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Kì diệu rừng xanh*. Biết đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.
* Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản *Kì diệu rừng xanh.* Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,… góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng. Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, biết tóm tắt và hiểu được điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện.

**2. *Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Biết bảo vệ môi trường sống làm đẹp môi trường xung quanh chúng ta.
* Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5.
* Tranh ảnh minh họa bài đọc.
* Tranh, ảnh, bài thơ, bài văn,…về thiên nhiên, cuộc sống.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV cho HS xem 1 video bài hát “Ta đi vào rừng xanh”- GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: ***Theo em chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của chúng ta?***- GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS: *Chúng ta cần phải tích cực trồng cây, không vứt rác bừa bãi, lên án các hành động chặt phá rừng hủy hoại môi trường...*- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr.51, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc: ***Bài Kì diệu rừng xanh tiếp tục nói về thế giới thiên nhiên kì thú: đó là cảnh rừng xanh với những cảnh sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Các em hãy quan sát tranh*** ***minh hoạ và đọc bài để cảm nhận vẻ đẹp của rừng.*** | - Hs lắng nghe bài hát- HS làm việc nhóm đôi. - HS trình bày ý kiến trước lớp, các HS khác lắng nghe. - HS quan sát, tiếp thu. - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.  |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu: HS nhận biết cách đọc và được luyện đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.- Cách tiến hành: |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc**- GV đọc mẫu lần 1: - GV HD đọc: Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng. - GV chia đoạn: 3 đoạn:+ Đoạn 1: Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”.+ Đoạn 2: Tiếp đến “đưa mắt nhìn theo”.+ Đoạn 3: Còn lại.– GV hướng dẫn đọc:+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ*: loanh quanh, nấm dại, lúp xúp, lâu đài, ánh nắng,...*+ Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, Ví dụ: Tôi có cảm giác/ mình là một người **khổng lồ**/ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những **người tí hon**.Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền **nhanh như tia chớp**. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp **vút qua** không kịp đưa mắt nhìn theo.+ ...– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp. | - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.- HS quan sát- HS đọc từ khó.- HS diễn cảm-Hs lắng nghe |
| **2.2. Đọc hiểu**- Mục tiêu: + HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời văn để cảm nhận được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả.+ Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng- Cách tiến hành: |
| **Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:**- GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.Ví dụ:+ Rừng khộp: còn gọi là rừng thưa với những cây lá rộng, rụng lá vào mùa khô.+ Mang (hoẵng): loài thú cùng họ với hươu, nai, sừng nhỏ, có hai nhánh; lông màu vàng đỏ.+...**- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu**- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.+ Câu 1: Vì sao nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh độ của vương quốc những người tí hon? + Câu 2: Muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng? + Câu 3: Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là “giang sơn vàng rợi”? + Câu 4: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài. - GV mời HS nêu nội dung bài.- GV nhận xét và chốt: ***Bài đọc cho thấy sự kì diệu của rừng xanh, ở nơi đó có những sự vật rất sinh động. Qua đó, ta thấy được tình yêu dành cho thiên nhiên của tác giả.*** | -Hs lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.+ Nhân vật tôi bị cuốn hút bởi những cây nấm trong rừng, những cây nấm to khác thường (bằng cái ấm tích). Những vạt nấm dại đủ màu sắc rực rỡ, hình dáng của những cây nấm trông như những đền đài, miếu mạo, lâu đài, cung điện... của người tí hon. Nhân vật tôi bỗng dưng trở thành “người khổng lồ” ở vương quốc ấy.+ Muông thú trong rừng được miêu tả: Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Mấy con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non.***=> Muông thú thoắt ẩn, thoắt hiện làm cho cảnh rừng thêm sống động, bất ngờ, bí ẩn.***- Nơi đây được gọi là “giang sơn vàng rợi” vì có sự cộng hưởng (kết hợp, tụ hội) của nhiều sắc vàng trong một không gian rộng lớn: lá vàng trên cây, lá vàng rụng dưới gốc, những con mang có bộ lông vàng nâu quyện hoà với ánh nắng vàng,...- HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.-HS lắng nghe |
| **2.3. Luyện đọc lại.**- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:+ *Đọc diễn cảm một số câu văn miêu tả cảnh đẹp núi rừng và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả.* \* Làm việc cả lớp:+ GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.+ GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.\* Bình chọn nhóm đọc hay nhất- GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp. | - HS lắng nghe+ HS nối tiếp đoạn.+ Một số HS đọc diễn cảm trước lớp. |
| **3. Luyện tập**- Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu BT1, 2: *Bài 1: Trong bài Kì diệu rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Về thực vật* | *Về động vật* | *Về hiện tượng tự nhiên* |

*Bài 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với từ em tìm được.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Gọn ghẽ* | *Tí hon*  | *Thưa thớt* |

+ GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm đôi. + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm HS lắng nghe và nhận xét. + GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án: *Bài 1:* *Về thực vật: vạt nấm dại, rừng khộp (rừng thưa lá rộng), vạt cỏ xanh.* *Về động vật: những con vượn bạc má, những con chồn sóc.* *Về hiện tượng tự nhiên: nắng**Bài 2:* *Gọn ghẽ: gọn gàng, gọn. VD: Em dọn nhà gọn gàng, ngắn nắp.* *Tí hon: tí xíu, bé xíu,…VD: Những chú kiến nhỏ tí xíu tha hạt vừng về tổ.* *Thưa thớt: lưa thưa, lơ thơ. VD: Sau trận lũ, vườn chỉ còn vài gốc cây lưa thưa.*  | - HS tiếp nhận nhiệm vụ.- HS làm theo hướng dẫn của GV. - HS trình bày kết quả. - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.- GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em cónhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiếthọc hiệu quả.- Dặn dò bài về nhà. | - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. - HS lắng nghe. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**-----------------------------------------------------------------**

**Tiết 3: VIẾT**

**Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh (tả cảnh vật theo trình tự thời gian hoặc theo những thời điểm khác nhau), viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh đã được đọc

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu bài văn tả phong cảnh, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe ý kiến của bạn nêu để xem xét và thống nhất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| **-** GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức bài văn tả phong cảnh. - GV nhắc lại kiến thức cũ và giới thiệu bài học mới: + Nhắc lại kiến thức bài cũ: *Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần:* *Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.* *Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.* *Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.* + GV giới thiệu bài học mới: Ở tiết học trước, chúng ta đã đi tìm cấu tạo của bài văn tả phong cảnh. Trong tiết học này, HS sẽ tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh bằng một cách khác.  | - HS phát biểu ý kiến. - HS lắng nghe, tiếp thu- HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **2. Hoạt động.**- Mục tiêu:+ Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo trình tự thời gian) với bố cục 3 phần và các nội dung của mỗi phần khi tả cảnh theo thời gian. + Phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT1: *Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi:* ***Bốn mùa trong ánh nước****Hồ Hoàn Kiếm là nơi quen thuộc với rất nhiều người. Cảnh đẹp lộng lẫy từ ngọn cỏ, hàng cây cho tới nước hồ trong xanh gợn sóng.**Mùa hè, sau những cơn mưa rào, nước hồ đầy lên, màu nước như bớt xanh hơn. Trong dông gió, hồ nổi sóng. Nhưng dông gió đến đâu thì mặt hồ vẫn chỉ lăn tăn sóng gợn, trầm mặc giữa thinh không, soi bóng những áng máy nổi rồi lại tan.**Về mùa đông, nước hồ cạn di, sâu xuống, chân cầu Thê Húc bỗng cao hơn, lênh khênh. Trong cái lạnh bao trùm phố phường Hà Nội, nước hồ lặng trong sương, một màn sương trong nhẹ và mỏng như khăn voan. Hồ hiện ra vẻ cổ kính với những cành khô lá vàng in bóng xuống mặt nước lặng thinh.**Có lẽ tưng bừng nhất là vào dịp tết Nguyên dán, hồ được trang điểm lộng lẫy bởi đèn đủ màu, cờ bay phất phới và hoa rực rỡ. Trong mưa bay, người người đi trẩy hội. Ngàn vạn tiếng rao, tiếng mời chào của người bán hàng rong cất lên như chim hót mùa xuân.**Nhưng hồ Hoàn Kiếm đẹp hơn cả là về mùa thu. Mùa thu Hà Nội dường như không có gió lớn, đủ để nước hồ lắng sâu. Ánh nắng mùa thu lại tươi nên mặt hồ ngời lên như ánh mắt thanh xuân. Những cây liễu bên hồ xanh mướt, lá bay dịu dàng như mái tóc thiếu nữ. Những cây đa cổ thụ xanh tốt và tráng kiện như những lão tướng, hàng rễ rủ như những bộ râu oai hùng. Trong đền Ngọc Sơn có nhiều tiếng chim ríu rít, tiếng hót của chim non, của ước mơ bay bổng.**Từng ánh nước của hồ Hoàn Kiếm có biết bao người đã ngắm, từng bóng cây nơi này có biết bao người đã ngồi hóng mát, nghỉ ngơi và thầm nghĩ về cuộc sống của mình ở một góc nhỏ nào trên trái đất này.**(Theo Lê Phương Liên)**a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?**b, Tìm phần mở bài, thần bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.**c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?**d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?***-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT2: *Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?* + GV cho HS thảo luận, tìm ý trả lời theo hướng dẫn. + GV gọi 1 – 2 HS trình bày ý kiến. + GV nhận xét, chốt đáp án: - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT3: *So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt* + GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi, trình bày ý kiến. + GV gọi 1 – 2 HS trình bày kết quả của nhóm, các nhóm HS khác lắng nghe và nhận xét. + GV nhận xét, chốt đáp án: * *Bài Đà Lạt: tả theo trình tự không gian, tả từng bộ phận/ từng vẻ đẹp của phong cảnh.*
* *Bài Bốn mùa trong ánh nước: tả theo trình tự thời gian 4 mùa, mỗi mùa hiện ra trong trí nhớ/ kí ức. Mùa yêu thích nhất được nhắc đến sau cùng.*

- GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình: *Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng,…) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.* - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ.- GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  | - HS đọc nhiệm vụ BT- Bài văn tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm.- Bài văn có 6 đoạn văn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Mở bài*  | *Đoạn 1* | *Giới thiệu tên cảnh vật (hồ Hoàn Kiếm) và nhận xét bao quát về cảnh vật (cảnh đẹp, quen thuộc với nhiều người).*  |
| *Thân bài* | *Đoạn 2, 3, 4, 5* | *Miêu tả đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau.*  |
| *Kết bài* | *Đoạn 6* | *Khẳng định phong cảnh hồ Hoàn Kiếm đã in sâu trong tâm trí của nhiều người.*  |

*c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được miêu tả lần lượt theo các mùa: mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu. Từ ngữ giúp nhận ra thời gian các mùa:*

|  |  |
| --- | --- |
| *Mùa hè*  | *Mùa hè, những cơn mưa rào, đông gió* |
| *Mùa đông* | *Mùa đông, cái lạnh bao trùm, màn sương* |
| *Mùa xuân*  | *Dịp tết Nguyên đán, mưa bay, trẩy hội, chim hót mùa xuân* |
| *Mùa thu* | *Mùa thu, mùa thu Hà Nội, ánh nắng mùa thu* |

*d. Tả phong cảnh theo mùa, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được nhiều vẻ đẹp, nhiều đặc điểm của hồ Hoàn Kiếm (theo hành trình cả năm). Theo tác giả, cảnh Hồ Hoàn Kiếm đẹp nhất vào mùa thu nên nhà văn đã tả đặc điểm hồ Hoàn Kiếm vào mùa thu sau cùng.* - HS đọc nhiệm vụ của BT. - HS làm theo hướng dẫn của GV. - HS phát biểu ý kiến. - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu. - HS đọc nhiệm vụ BT. - HS làm theo hướng dẫn của GV. - HS phát biểu ý kiến. - HS chú ý lắng nghe. - HS theo dõi ghi nhớ. - HS đọc kĩ ghi nhớ. - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Giúp HS nhớ được những điều học tập được từ 2 tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh đã học.- Cách tiến hành: |
| - GV có thể khích lệ HS thực hiện 1 trong các yêu cầu sau:(1) Nêu điều em học tập được từ 2 tiết học tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh.(2) Nếu viết bài văn tả phong cảnh, em chọn tả phong cảnh gì, phong cảnh đó ở đâu? Em sẽ tả phong cảnh đó theo trình tự nào- GV dặn dò hs về nhà | - HS có thể phát biểu theo ý kiến của cá nhân.- HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**....................................................................................................................................... |

**Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG**

**Bài: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng và trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kĩ năng nói và nghe trong giao tiếp.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thiên nhiên và yêu quý các loài động vật

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV mở bài hát về động vật để khởi động vào bài học.- GV dẫn dắt vào bài mới  | - HS vận động theo bài hát- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động.**- Mục tiêu:+ Tìm đọc sách báo, câu chuyện về thế giới động vật hoang dã, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.+ Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT 1 theo những yêu cầu sau: + *Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã*  | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. |
| **2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.** **-** GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: + *Nhớ lại hoặc đọc lại câu chuyện về thế giới động vật hoang dã em đã chuẩn bị.* *+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách, khuyến khích HS sáng tạo.* - GV mời 1 – 2 HS trình bày bài làm của mình, các HS khác theo dõi và nhận xét. - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. **3. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc.**- GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT3: Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc:Em có thể chọn một trong các hoạt động sau: + Tóm tắt những thông tin chính đã đọc về thế giới động vật hoang dã (tên loài vật, nơi sinh sống, đặc điểm, thói quen,…) + Chia sẻ những thông tin thú vị về loài vật đã đọc trong sách báo. - GV tổ chức hoạt động thảo luận cho HS, GV khuyến khích HS nêu câu hỏi và có những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân. - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc yêu cầu bài tập 2.- Hs viết vào phiếu đọc sách theo mẫu- Hs trình bày phiếu đọc sách- HS đọc nhiệm vụ BT. - HS thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của GV. - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng trải nghiệm**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành:  |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT4: Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam. - GV tổ chức hoạt động cho HS hoạt động theo nhóm đôi, GV gợi ý cho HS: + Giới thiệu tên loài động vật+ Nêu đặc điểm của chúng+ Nêu thói quen và điểm đặc biệt của chúng- GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, các HS khác lắng nghe | - HS đọc nhiệm vụ của BT. - HS làm theo hướng dẫn của GV. - HS lắng nghe, phát biểu ý kiến. - HS chú ý lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:****……………………………………………..** |

Biên soạn: Hương Thảo - 0972115126